

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Doãn Thanh H, sinh năm 1990.

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị H, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Thôn 13, xã Kon B, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Doãn Thanh H và chị Lê Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Doãn Thanh H và chị Lê Thị H thỏa thuận - thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Doãn Thị Hoàng M, sinh ngày 19/5/2014 và cháu Doãn Thanh T, sinh ngày 11/10/2018 cho anh Doãn Thanh H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao cháu Doãn Thị Xuân M, sinh ngày 30/3/2012 cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Doãn Thanh H và chị Lê Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Doãn Thanh H và chị Lê Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Các bên không được lạm dụng việc thăm nom

để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Doãn Thanh H phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chị Lê Thị H phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh H nhận chịu thay chị H tiền án phí, tổng cộng là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000372 ngày 23/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả cho anh H 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- THA DS tỉnh Quảng Ngãi
(Phòng THADS KV 10 – Quảng Ngãi);
- Viện kiểm sát nhân dân KV 10 – Quảng Ngãi;
- UBND xã Kon B, tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN XONG